TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
---	---

Bản án số: 193/2018/HS-ST
Ngày: 21/11/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Sô Phép

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Tiến

Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 234/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ **Trần Thị O**; sinh năm: 1967 tại G, tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký thường trú: khu dân cư S, ấp T, xã P, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; chổ ở: tổ 29 khu dân cư S, ấp T, xã P, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn V (đã chết) và bà Lê Thị Đ; chồng: Nguyễn Văn H; con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ ngày: 25/4/2018; tại ngoại ngày: 28/4/2018 đến nay.

2/ **Kim C**; sinh năm: 1993 tại G, tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký thường trú: khu dân cư S, ấp T, xã P, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; chổ ở: số nhà 22 lô 13 khu dân cư S, ấp T, xã P, thành phố G, tỉnh Kiên Giang nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: khmer; tôn giáo: phật; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kim Đ và bà Trần Thị H; chồng: Nguyễn Văn L; con có 01

người sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ ngày: 25/4/2018; tại ngoại ngày: 28/4/2018 đến nay.

3/ **Nguyễn Thị Đ** (tên gọi khác Dì H); sinh năm 1965 tại G, tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã P, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; chổ ở hiện nay: tạm trú hẻm 313 đường Võ Trường T, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Lê Thị T; chồng: Nguyễn Văn L; con có 02 người, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: chưa; nhân thân: ngày 15/8/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang xử phạt 01 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm tính từ ngày tuyên án (ngày 15/8/2016), về tội "Đánh bạc", đến ngày 24/4/2018 bị cáo tiếp tục phạm tội "Đánh bạc"(phạm tội mới trong thời gian thử thách); bị bắt tạm giữ ngày: 25/4/2018; tại ngoại ngày: 28/4/2018 đến nay.

4/ **Kiều Thị Yến L**; sinh năm: 1972 tại Thành phố M; nơi đăng ký thường trú và chổ ở: số nhà 05, khu phố 4, phường T, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kiều Văn C (đã chết) và bà Hoàng Kim T (đã chết); chồng: Nguyễn Văn T; con có 02 người, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam: không; bị cáo đang tại ngoại.

5/ **Phạm Văn D**; sinh năm: 1968 tại G, tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký thường trú và chổ ở: số nhà 29 đường 30, phường T, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: ngư phủ; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N và bà Lữ Thị S; vợ: Hoàng Kim T; con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án: không; tiền sự: ngày 05/02/2018 bị Công an phường T ra quyết định xử phạt hành chính với hình thức phạt tiền là 1.500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc", chưa xóa tiền sự; bị bắt tạm giữ, tạm giam: không; bị cáo đang tại ngoại.

6/ **Huỳnh Thị Thanh P**; sinh năm: 1962 tại G, Kiên Giang; nơi đăng ký thường trú và chổ ở: số nhà 639 đường Q, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Thanh T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ; chồng: Trần Văn V; con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam: không; bị cáo đang tại ngoại.

7/ **Trịnh Văn L1**; sinh năm: 1961 tại G, tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký thường trú và chổ ở: Tổ 4, ấp T, xã P, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Thành L (đã chết) và bà Trịnh Kim H; vợ: không; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam: không; bị cáo đang tại ngoại.

Các bị cáo có mặt tại phiên toà.

- *Người bào chữa:* Luật sư Nguyễn Thị Ngọc N – Văn phòng luật sư Ngọc N, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang, tham gia bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị cáo Kiều Thị Yến L.

- *Người làm chứng*:

+ Trần Thị H, sinh năm: 1972 (có mặt)

Địa chỉ: khu dân cư S, ấp T, xã P, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

+ Danh T, sinh năm: 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu dân cư S, ấp T, xã P, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

+ Đỗ Hồng V, sinh năm: 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 20, ấp T, xã P, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

+ Đặng Thành Đ, sinh năm: 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 29 khu dân cư S, ấp T, xã P, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

+ Phan Thị Ngọc T, sinh năm: 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 29 khu dân cư S, ấp T, xã P, thành phố G, tỉnh Kiên Giang

+ Lê Thị H, sinh năm: 1959 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 5 khu phố 5, phường T, thành phố G, tỉnh Kiên Giang

+ Nguyễn Thị Tường V, sinh năm: 2001 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 29 khu dân cư S, ấp T, xã P, thành phố G, tỉnh Kiên Giang

+ Nguyễn Thị Mai T, sinh năm: 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Lô 13/15 tổ 29 khu dân cư S, ấp T, xã P, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

+ Nguyễn Chí L, sinh năm: 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố G, tỉnh Kiên Giang

+ Nguyễn Văn L, sinh năm: 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 43/1A đường Lâm Quang K, phường B, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 24/4/2018, tại bãi đất trống thuộc khu dân cư S thuộc ấp T, xã P, thành phố G, tỉnh Kiên Giang, Công an thành phố G kết hợp với Công an xã P bắt quả tang Trần Thị O, Kim C, Nguyễn Thị Đ, Huỳnh Thị Thanh P, Kiều Thị Yến L, Phạm Văn D, Trịnh Văn L1 đang đánh bạc ăn thua bằng tiền hình thức chơi bài cào 03 lá, bài ngầu hầm. Thu tại chiếu bạc số tiền 6.700.000 đồng và một số vật chứng khác dùng để đánh bạc.

Qua điều tra đã xác định, các bị cáo O, C, Đ, P, L, D, L1 là những người ở cùng xóm. Từ tết nguyên đán năm 2018 Trần Thị O bắt đầu mua bài tây 52 lá về để cho những người khác đến đánh bạc ăn tiền ở bãi đất trống trước căn nhà bỏ hoang thuộc khu dân cư S để lấy tiền xâu. Hình thức chơi là đánh bài cào hoặc bài ngầu hầm ăn thua bằng tiền. Cũng tại địa chỉ trên thường xuyên có một số đối tượng chơi tài xỉu ăn thua bằng tiền, việc chơi tài xỉu là do tự những người ở gần đó bày ra chơi nên bị cáo O không lấy tiền xâu. Tụ điểm đánh bạc diễn ra 30 ngày nhưng không liên tục, vào ngày 24/4/2018 những người đánh bạc hẹn nhau đến bãi đất trống thuộc khu dân cư S để đánh bạc, đến khoảng 12 giờ cùng ngày O trải chiếu và mua bài cho những người đánh bạc chơi, lúc đầu chơi bài ngầu hầm mỗi bàn 50.000 đồng, những người đánh bạc tự xoay vòng luân phiên làm cái. Đến khoảng 14 giờ Nguyễn Thị Đ và Kim C hùn tiền làm cái và chuyển qua chơi bài cào 03 lá ăn tiền nên Trần Thị O đứng ra đi mua bài về cho những người này chơi để O lấy tiền xâu. Bị cáo Đ và C hùn tiền với nhau đứng ra làm cái, còn những người khác thì đặt tụ, sau đó nếu Đ và C làm cái thắng khoảng 03 ván thì O lấy tiền xâu 100.000 đồng.

Nguyễn Thị Đ đem theo 31.670.000 đồng nhưng chỉ lấy 2.500.000 đồng để đánh bạc, còn lại 29.170.000 đồng là tiền riêng của Đ và C đem theo 10.800.000 đồng dùng để làm cái và bỏ tiền trong người để thuận tiện cho việc chung chi từng ván. Do những người này không chơi cùng 01 lúc, mà có người chơi 01 lúc thì nghỉ ra ngoài rồi lúc sau lại tiếp tục chơi nên mỗi ván Đ, C làm cái có khoảng từ 07 đến 09 tụ đặt tiền, mỗi tụ đặt thấp nhất số tiền 100.000 đồng, cao nhất là 200.000 đồng, trung bình số tiền đặt cược trên chiếu bạc mỗi ván bài từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng; đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Đ, C làm cái được khoảng 30 ván bài, ván cuối đang làm cái cho các người đặt tụ gồm Huỳnh Thị Thanh P, Kiều Thị Yến L, Phạm Văn D, Trịnh Văn L1 và cùng một số người

khác (chưa xác định tên thật, địa chỉ đã bỏ chạy) với số tiền mỗi người đặt cọc từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng thì bị Công an bắt quả tang, thu tại chiếu bạc 6.700.000 đồng. Từng người tham gia đánh bạc như sau:

+ Phạm Văn D bắt đầu tham gia đánh bài từ khoảng 14 giờ cùng ngày do bị cáo Đ và C làm cái. D dùng số tiền 800.000 đồng để đặt tụ, đặt mỗi ván 100.000 đồng chơi tổng cộng khoảng 07 ván thì thua, đến ván cuối đang đặt 200.000 đồng thì bị bắt quả tang, thu tại chiếu bạc 6.700.000 đồng (bút lục số 137, 138).

+ Trịnh Văn L1 bắt đầu tham gia đánh bài từ khoảng 14 giờ cùng ngày do bị cáo Định và Chi làm cái. L1 dùng số tiền 1.000.000 đồng để đặt tụ, L1 chỉ tham gia 07 ván, đến ván cuối đang đặt tụ 100.000 đồng thì bị bắt quả tang, thu tại chiếu bạc 6.700.000 đồng, L1 thua hết 400.000 đồng, số tiền dùng để đánh bạc thu trong người L1 600.000 đồng (bút lục số 145, 147)

+ Kiều Thị Yến L bắt đầu tham gia đánh bài từ khoảng 14 giờ cùng ngày do bị cáo Đ và C làm cái. L đem theo 19.600.000 đồng nhưng chỉ dùng 600.000 đồng để tham gia đặt tụ, còn 19.000.000 đồng là tiền riêng không dùng vào việc đánh bạc, L chỉ tham gia 02 ván, đến ván cuối đang đặt tụ 300.000 đồng thì bị bắt quả tang, thu tại chiếu bạc 6.700.000 đồng, L thua hết 500.000 đồng, số tiền còn lại đã trao trả cho L (bút lục số 141, 142)

+ Huỳnh Thị Thanh P bắt đầu tham gia đánh bài từ khoảng 14 giờ cùng ngày do bị cáo Đ và C làm cái. P dùng số tiền 600.000 đồng để đặt tụ, P chỉ tham gia 07 ván, đến ván cuối đang đặt tụ 300.000 đồng thì bị bắt quả tang, thu tại chiếu bạc 6.700.000 đồng, P thua hết 600.000 đồng, số tiền dùng để đánh bạc thu trong người P 1.000.000 đồng (bút lục số 135, 136)

Riêng những người đánh bạc khi bắt quả tang gồm Kim Đ, Nguyễn Thị Mai T, Phùng Thị Đ, Hoàng Kim T, Trần Thị H, Đỗ Văn T đều tham gia đánh bạc mỗi người đặt và ăn có với người làm cái (bị cáo Đ và C) thấp nhất từ 02 ván và cao nhất 15 ván nhưng do thua hết tiền nên không tham gia chơi chỉ ngồi xem.

Ngoài ra, gần chiếu bạc của bị cáo O còn có Nguyễn Phương T, Nguyễn Chí L, Trần Văn Đ đánh bạc bằng hình thức chơi tài xỉu ăn tiền, mỗi ván 10.000 đồng thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang cùng vật chứng.

Đến ngày 24/4/2018 Kim C, Nguyễn Thị Đ, Trần Thị O, Huỳnh Thị Thanh P, Kiều Thị Yến L, Phạm Văn D, Trịnh Văn L1 lần lượt bị Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Rạch Giá khởi tố và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú để điều tra.

Các bị cáo Trần Thị O, Kim C, Nguyễn Thị Đ, Huỳnh Thị Thanh P, Kiều Thị Yến L, Phạm Văn D, Trịnh Văn L1 đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Trần Thị O, Kim C, Nguyễn Thị Đ, Huỳnh Thị Thanh P, Kiều Thị Yến L, Phạm Văn D, Trịnh Văn L1 đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc".

* **Theo bản cáo trạng số**: 174/CT.VKSTPRG ngày 04/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang truy tố các bị cáo Trần Thị O, Kim C, Nguyễn Thị Đ, Huỳnh Thị Thanh P, Kiều Thị Yến L, Phạm Văn D, Trịnh Văn L1 về tội "Đánh bạc", theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng theo Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trần Thị O mức án 01 năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 năm.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 38 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Nguyễn Thị Đ mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù cộng 01 năm tù chưa chấp hành xong bản án số 178/2016/HS-ST ngày 15/8/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Kim C mức án 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Phạm Văn D mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: + Kiều Thị Yến L hình phạt chính là phạt tiền 30.000.000 đồng.

+ Huỳnh Thị Thanh P hình phạt chính là phạt tiền 40.000.000 đồng.

+ Trịnh Văn L1 hình phạt chính là phạt tiền 40.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

* Luật sư bà Nguyễn Thị Ngọc N bào chữa cho bị cáo Kiều Thị Yến L phát biểu quan điểm vụ án: Thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị xem xét các vấn đề: bị cáo vi phạm lần đầu, mức độ ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; trong lúc nhất thời ham muốn kiếm tiền mà không kiềm chế đã tham gia ăn ké, bản thân không không trực tiếp đặt tụ, không làm cái…hành vi đơn giản. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 54 và khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng mức án cải tạo không giam giữ dưới 01 năm với thời gian thử thách thích hợp nhằm cảnh cáo, giáo dục bị cáo không tiếp tục tham gia đánh bạc nữa.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo Đ, D xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo L, L1 trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn không có khả năng nộp tiền phạt nên xin hưởng án treo; các bị cáo O, C không ý kiến; bị cáo P trình bày hiện tại bị cáo đang bị bệnh tai biến nhẹ, không có nghề nghiệp gì, hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng bị cáo cũng cố gắng kiếm tiền để nộp phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Rạch Giá, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên toà hôm nay các bị cáo Trần Thị O, Kim C, Nguyễn Thị Đ, Huỳnh Thị Thanh P, Kiều Thị Yến L, Phạm Văn D, Trịnh Văn L1 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu; lời nhận tội trên phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, của những người tham gia tố tụng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có

trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng 22 giờ ngày 24/4/2018 tại bãi đất trống thuộc ấp T, xã P, thành phố G, tỉnh Kiên Giang, Trần Thị O chuẩn bị bài cho Nguyễn Thị Đ, Kim C làm cái đánh bạc ăn thua tiền với những người cùng xóm như Huỳnh Thị Thanh P, Kiều Thị Yến L, Phạm Văn D, Trịnh Văn L1 và một số người khác (chưa xác định tên thật, địa chỉ) để bị cáo O lấy tiền xâu. Bị cáo Đ và C làm cái thắng khoảng 03 ván thì xâu cho bị cáo O 100.000 đồng, đến 22 giờ cùng ngày thì bị bắt quả tang, O lấy tiền xâu được tổng cộng 750.000 đồng. Bị cáo Đ dùng số tiền 2.500.000 đồng, C dùng 10.800.000 đồng để làm cái, mỗi ván có từ 07 đến 09 tụ đặt tiền thấp nhất từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng. Đ, C làm cái được khoảng 50 ván thì thu lợi mỗi người được 2.000.000 đồng, ván cuối đang làm cái cho 04 người chơi với số tiền mỗi người đặt từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng và một số người khác thì bị bắt quả tang, thu tại chiếu bạc 6.700.000 đồng, trong đó có tiền của Đ dùng đánh bạc với những người này là 2.500.000 đồng và Chi 10.800.000 đồng (nếu có thua thì lấy số tiền trên để trả). Số tiền dùng vào việc đánh bạc của bị cáo Đ và C với những người đặt tụ như Huỳnh Thị Thanh P, Kiều Thị Yến L, Phạm Văn D, Trịnh Văn L1 và một số người khác trên chiếu bạc mỗi ván bài thấp nhất từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng, cụ thể: bị cáo D dùng 800.000 đồng để đánh bạc, đặt mỗi ván 100.000 đồng, chơi tổng cộng 07 ván thì thua, sau đó D lấy 200.000 đồng đặt ván cuối; bị cáo L1 dùng 1.000.000 đồng để tham gia đánh bạc, L1 chỉ tham gia 07 ván đến ván cuối đặt tụ 100.000 đồng; bị cáo L dùng 600.000 đồng để tham gia đánh bạc, L tham gia 02 ván, đến ván cuối đang đặt tụ 300.000 đồng; bị cáo P dùng 600.000 đồng để tham gia đánh bạc, P chỉ tham gia 07 ván, đến ván cuối đang đặt tụ 300.000 đồng; trong lúc các bị cáo D, L1, L, P tham gia đặt tụ ván cuối thì bị bắt quả tang cùng vật chứng.

Từ những chứng cứ đã nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của các bị cáo Trần Thị O, Kim C, Nguyễn Thị Đ, Huỳnh Thị Thanh P, Kiều Thị Yến L, Phạm Văn D, Trịnh Văn L1 phạm tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét về tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo thực hiện tội phạm có ý thức và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bản thân các bị cáo cũng nhận thức được rằng hành vi tham gia sát phạt đánh bạc là nhà nước nghiêm cấm và vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, các bị cáo chỉ vì ham mê cờ bạc, có máu đỏ đen và do tham lam muốn có được nhiều tiền mà không phải lao động nên bất chấp pháp luật lao vào con đường phạm tội. Hành vi của các bị cáo là hành vi xem thường pháp luật, không những xâm phạm trật tự công cộng mà còn là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội khác như

trộm cắp, cướp, cướp giật tài sản… Do đó, cần xử các bị cáo một mức hình phạt thật tương xứng với từng vai trò của mỗi bị cáo; nhằm có tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân tốt; đồng thời cũng nhằm ngăn ngừa chung loại tội phạm này trong xã hội. Trong vụ án này bị cáo Trần Thị O là người khởi xướng việc phạm tội và chính bị cáo là người đi mua bài để cho những người khác đến đánh bạc ăn tiền để lấy tiền xâu nên mức án của bị cáo O phải cao hơn các bị cáo khác; hai bị cáo Đ và C tham gia với vai trò là người làm cái, còn các bị cáo L, P, D, L1 tham gia với vai trò đặt tụ nên mức án của bị cáo Đ, C phải cao hơn các bị cáo L, P, D, L1 là phù hợp pháp luật. Tuy nhiên, đối với bị cáo D là người có nhân thân xấu, đã có 01 tiền sự về tội "Đánh bạc", chưa được xóa tiền sự nên mức án bị cáo D phải nghiêm khắc hơn so với các bị cáo L, P, L1. Riêng bị cáo Đ phạm tội mới trong thời gian thử thách nên buộc bị cáo Đ phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Định vi phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Các bị cáo O, C, P, L, L1: Các bị cáo là người có nhân thân tốt thể hiện việc các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Đ: Chưa có tiền sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Đối với bị cáo D: Bị cáo chưa có tiền án. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có công với cách mạng. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 tấm bạc tài xỉu, 01 chén bằng sứ; 03 xí ngầu; 05 bộ bài tây, mỗi bộ 52 lá; là công cụ dùng vào việc phạm tội, theo Lệnh nhập kho vật chứng số 120/LNK-CSĐT của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Tịch thu sung quỹ nhà nước: Tiền việt Nam 24.600.000 đồng, trong đó thu tại chiếu bạc 6.700.000 đồng, còn lại do các bị cáo tự nguyện giao nộp gồm Trần Thị O 3.000.000 đồng, Nguyễn Thị Đ 2.500.000 đồng, Kim C 10.800.000 đồng, Huỳnh Thị Thanh P 1.000.000 đồng, Trịnh Văn 1 600.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu WAYTEC màu trắng hồng biển số 68M4-7415, 01 xe mô tô biển số 56P1-5095, do hai chiếc xe không rõ chủ sở hữu.

Đối với một số tài sản không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã giao trả cho chủ sơ hữu gồm: bị cáo Đ 01 điện thoại di động hiệu Samsung S3600i màu tím; bị cáo L1 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen, 01 xe mô tô hiệu Wave màu trắng đen biển số 68X1-460.61; bị cáo L tiền Việt Nam 19.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Huaeei màu vàng; Hoàng Văn H tiền Việt Nam 5.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu trắng; Đặng Thành Đ 01 điện thoại đi động hiệu Iphone 5 màu trắng; Kim Đ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus màu hồng; Đỗ Văn T 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu trắng; Nguyễn Phương T tiền Việt Nam 5.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S8 màu đen; Nguyễn Chí L tiền Việt Nam 600.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu hồng, 01 xe mô tô hiệu Sirius màu vàng đen biển số 68S1-110.17; Thị T tiền Việt Nam 5.700.000 đồng, 01 điện thoại đi động hiệu Nokia màu đen; Phạm Văn T 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu vàng; Phùng Thị Đ tiền Việt Nam 3.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu LV Mobile màu vàng; Đỗ Hùng V tiền Việt Nam 1.000.000 đồng, 01 điện thoại đi động hiệu masstel màu đen; Nguyễn Thị Tường V tiền Việt Nam 300.000 đồng, 01 điện thoại đi động hiệu Oppo màu đỏ; Hoàng Kim T tiền việt Nam 5.500.000 đồng, 01 điện thoại đi động hiệu Iphone 5 màu trắng, 01 xe mô tô hiệu Ablade màu đỏ đen biển số 68S1-073.06; Đặng Ngọc A tiền Việt Nam 3.460.000 đồng; Nguyễn Văn L tiền Việt Nam 3.800.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen; Danh T 01 điện thoại đi động hiệu Samsung Galaxy J7 prime màu vàng, 01 xe mô tô hiệu Wave màu trắng đen biển số 68X1-416.63; Trần Văn Đ tiền Việt Nam 4.000.000 đồng, 01 điện thoại đi động hiệu Mobiistar màu đen, 01 xe mô tô hiệu Sirus màu đỏ đen biển số 68S1-210.72; Từ Thanh L tiền Việt Nam 7.200.000 đồng.

Tuyên trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 29.170.000 đồng, do số tiền này không dùng vào việc phạm tội.

[7] Theo bản luận tội mà Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tuy nhiên, việc đề nghị hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo L, L1, P, theo khoản 3 Điều 35 Bộ luật hình sự quy định *"...đồng thời có xét đến tình hình tài sản của người phạm tội..."*, tại tòa các bị cáo đều trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có khả năng nộp tiền, các bị cáo L, L1 xin hưởng án treo, bị cáo P trình bày nếu phạt tiền thì bị cáo sẽ đi vay mượn người khác để nộp phạt nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo L, L1, P.

[8] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc N bào chữa cho bị cáo Kiều Thị Yến L yêu cầu Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 54 và khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng mức án cải tạo không giam giữ dưới 01 năm, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Đối với Trần Thị H, Kim Đ, Nguyễn Thị Mai T, Phùng Thị Đ, Hoàng Kim T, Đỗ Văn T, Đỗ Hồng V, Lê Thị H, Đặng Ngọc A, Mai Ánh T, Nguyễn Phương T, Nguyễn Chí L, Trần Văn Đ có hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền nhưng do chưa đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang chuyển về địa phương xử lý hành chính.

Riêng Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Tường V, Phan Thị Ngọc T, Nguyễn Văn L, Danh T, Đặng Thành Đ, Phạm Văn T, Từ Thanh L, Trần Thanh T, Hoàng Văn H và Thị T; là những người có mặt tại chiếu bạc nhưng không tham gia chơi đánh bạc nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang không xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị O, Kim C, Nguyễn Thị Đ, Huỳnh Thị Thanh P, Kiều Thị Yến L, Phạm Văn D, Trịnh Văn L1 đều phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trần Thị O mức án 01 năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 năm. Thời hạn tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo O cho Ủy ban nhân dân xã P, thành phố G, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 38 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Nguyễn Thị Đ mức án 09 tháng tù cộng 01 năm tù chưa chấp hành xong bản án số 178/2016/HS-ST ngày 15/8/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, buộc bị cáo phải chấp hành chung hai bản án là 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án (nhưng được khấu trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/4/2016 đến ngày 13/5/2016 và từ ngày 25/4/2018 đến ngày 28/4/2018).

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Kim C mức án 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng. Thời hạn tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo C cho Ủy ban nhân dân xã P, thành phố G, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Phạm Văn D mức án 06 tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: + Kiều Thị Yến L mức án 06 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm. Thời hạn tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo L cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố G, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

+ Huỳnh Thị Thanh P mức án 06 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm. Thời hạn tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo P cho Ủy ban nhân dân phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

+ Trịnh Văn L1 mức án 06 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm. Thời hạn tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo L1 cho Ủy ban nhân dân xã P, thành phố G, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Ngoài ra, trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 tấm bạc tài xỉu, 01 chén bằng sứ; 03 xí ngầu; 05 bộ bài tây, mỗi bộ 52 lá; là công cụ dùng vào việc phạm tội.

Tịch thu sung quỹ nhà nước: Tiền việt Nam 24.600.000 đồng, trong đó thu tại chiếu bạc 6.700.000 đồng, còn lại do các bị cáo tự nguyện giao nộp gồm Trần Thị O 3.000.000 đồng, Nguyễn Thị Đ 2.500.000 đồng, Kim C 10.800.000 đồng, Huỳnh Thị Thanh P 1.000.000 đồng, Trịnh Văn L 600.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu WAYTEC màu trắng hồng biển số 68M4-7415, 01 xe mô tô biển số 56P1-5095.

Tuyên trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 29.170.000 đồng

(Tất cả theo Lệnh nhập kho vật chứng số 120/LNK-CSĐT của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang).

Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THẠCH SÔ PHÉP

* **Nơi nhận**:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan THA Dân sự Tp.Rạch Giá;
- Công an thành phố Rạch Giá;
- Bị cáo, người TGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.